

-*Nguyên đơn*: Ông Đoàn Ngọc Đ- Sinh năm:1969 - Trú tại: 81 đường L, tổ 56 phường T, Quận S, TP. Đà Nẵng. Có mặt

-*Bị đơn*: Bà Trần Thị H (Q) – Sinh năm 1970 - Trú tại: 81 đường L, tổ 56 phường T, Quận S, TP. Đà Nẵng. Có mặt

-*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

-Bà D; Trú tại: Tổ 24c phường M, Quận S, Đà Nẵng. Không có

-Bà Hồng; Trú tại: Tổ 28 phường M, Quận S, Đà Nẵng. Không có

-Ông Lâm; Trú tại: 146 H22 Nguyễn Hoàng, TP Đà Nẵng. Không có

-Bà Mai Thị L; Sinh năm 1966; Trú tại: 66 đường N, tổ 21 phường T, Quận S, Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đoàn Ngọc Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà H kết hôn năm 2003 tại UBND phường T, Quận S. Quá trình chung sống hai bên có mâu thuẫn nhỏ về bất đồng về ngôn ngữ giao tiếp của bà H có sự thiếu tôn trọng chồng, chuyện xảy ra từ năm 2003 đến năm 2010 và từ năm 2010 đến năm 2017 thì mâu thuẫn càng lớn hơn khoảng thời gian này vợ chồng ông tự ly thân không có quan hệ tình cảm gần gũi vợ chồng 5 năm nay, mặc dù sống chung trong một nhà nhưng phần ai nấy sống, phần người nào có cuộc sống riêng của người ấy. Ngoài ra, bà H bỏ nhà đi rất nhiều lần không lý do để con cái ở nhà ông chăm sóc. Bà H nợ nần rất nhiều, đánh bài, lô đề nhiều người đến đòi nợ, quan hệ xã hội rất phức tạp, thường xuyên đi từ 23h đến 24h thậm chí 1h sáng và qua đêm tới sáng mai mới về. Mặc dù ông đã nắc nỏ nhưng vẫn không sửa chữa nên ông không chấp nhận được. Hiện nay tình cảm vợ chồng rạn nứt nên xin được ly hôn bà H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đoàn Thị Khánh V, sinh ngày 01/11/2002, Đoàn Thị Khánh L, sinh ngày 23/8/2009. Ly hôn, nguyện vọng của ông Đ được trực tiếp nuôi 2 con và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Đ xác nhận không có.

- Về nợ chung: Ông Đ xác nhận không có.

Bị đơn - Bà Trần Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H xác nhận với ông Đ về thời gian và điều kiện kết hôn. Theo bà, vợ chồng chung sống khoảng 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn do ông Đ đã từng đánh đập và xua đuổi vợ con ra khỏi nhà, mặc dù bà đã nhẫn nhục chịu đựng để có cơ hội nuôi nấng và chăm sóc con cái nhưng ông Đ không dừng lại mà rất nhiều lần đánh đập, chửi mắng, ngoài ra, bà nghi ngờ có quan hệ với người phụ nữ khác tuy nhiên bà cũng không cần quan tâm đến điều đó mà chỉ cần yên ổn lo cho con cái học hành. Bản thân bà muốn được ở chung trong nhà cùng con cái mặc dù tình cảm của bà và ông Đ không còn. Hai bên sống chung trong một nhà mà không có sự gắn gũi 4-5 năm nay. Do đó, bà không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đoàn Thị Khánh V, sinh ngày 01/11/2002, Đoàn Thị Khánh L, sinh ngày 23/8/2009. Ly hôn, bà xin nhận nuôi 2 con và có nguyện vọng của bà H yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con 2 triệu đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Bà yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

- Về nợ chung: Bà H xác định có nợ bà D 10 triệu đồng; bà H 7 triệu đồng; ông L 10 triệu đồng; bà L 5 triệu đồng. Tổng cộng 32 triệu đồng. Ly hôn bà H yêu cầu ông Đ có trách nhiệm liên đới cùng bà trả cho họ.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Sơn Trà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng pháp luật, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa

vụ liên quan không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Sơn Trà đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn. Về con chung: Đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự: Giao con Đoàn Thị Khánh V, sinh ngày 01/11/2002 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Giao con Đoàn Thị Khánh L, sinh ngày 23/8/2009 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Về tài sản chung: Bà H yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn nhưng bà H không nêu rõ được tài sản nào để chia, ước tính giá trị tài sản đó. Do đó, không có cơ sở tính tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung nên không thụ lý được yêu cầu này của bà H. Sau này có tranh chấp giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác. Tuy nhiên, ông Đ tự nguyện hỗ trợ cho bà H số tiền 20.000.000 đồng để giải quyết khó khăn nên công nhận sự tự nguyện của ông Đ đối với bà H số tiền hỗ trợ 20.000.000 đồng. Về nợ chung: Bà H xác định vợ chồng không có nợ chung nên không đề cập đến. Tuy nhiên, ông Đ tự nguyện hỗ trợ cho bà H số tiền 20.000.000 đồng để giải quyết khó khăn nên công nhận sự tự nguyện của ông Đ đối với bà H số tiền hỗ trợ 20.000.000 đồng. Về nợ riêng: Bà H khai nại có nợ bà D 10 triệu đồng; bà H 7 triệu đồng; ông L 10 triệu đồng; bà L 5 triệu đồng. Tổng cộng 32 triệu đồng là nợ riêng của bà. Hiện nay các khoản nợ của bà D, bà Hồng, bà Lâm chưa xác định được địa chỉ những người này nên sau này nếu có tranh chấp bà H sẽ nhận trách nhiệm trả. Đối với khoản nợ của bà L 5.000.000 đồng, bà H nhận trách nhiệm trả cho bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]. Về nội dung: Ông Đoàn Ngọc Đ và bà Trần Thị H đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại UBND phường T, Quận S, TP Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện, không

bị ai ép buộc. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Qua quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà H tồn tại hàng chục năm qua. Ông Đ cho rằng trong quan hệ giao tiếp bà H thiếu tôn trọng chồng, chuyện xảy ra từ năm 2003 đến năm 2010 và từ năm 2010 đến năm 2017 thì mâu thuẫn càng lớn hơn khoảng thời gian này vợ chồng ông tự ly thân không có quan hệ tình cảm gần gũi vợ chồng 5 năm nay, mặc dù sống chung trong một nhà nhưng phần ai nấy sống, phần người nào có cuộc sống riêng của người ấy. Còn đối với bà H thì cho rằng mâu thuẫn là do ông Đ đã từng đánh đập và xua đuổi vợ con ra khỏi nhà, mặc dù bà đã nhẫn nhục chịu đựng để có cơ hội nuôi nấng và chăm sóc con cái nhưng ông Đ không dừng lại mà rất nhiều lần đánh đập, chửi mắng. Tại phiên tòa bà H không đồng ý ly hôn nhưng vẫn chưa đưa ra được biện pháp khắc phục, sửa chữa. Do vậy, căn cứ vào biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 14/12/2017, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà H phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã do không tin tưởng tình cảm với nhau, gây mất trật tự an ninh khu phố. Xét thấy quan hệ hôn nhân họ hàng không thể chung sống hòa thuận nên đề nghị ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử cho ông Đ và bà H ly hôn theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về con chung: Có 02 con chung tên Đoàn Thị Khánh V, sinh ngày 01/11/2002, Đoàn Thị Khánh L, sinh ngày 23/8/2009. Ly hôn, cả ông Đ và bà H đều có nguyện vọng được nhận nuôi 2 con, ông Đ không yêu cầu bà H cấp dưỡng còn bà H tại phiên tòa thay đổi yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi 2 con: 4 triệu đồng/tháng (mỗi con 2 triệu đồng/tháng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. HĐXX xét thấy cháu Đoàn Thị Khánh L có nguyện vọng được ở với ba. Còn cháu Đoàn Thị Khánh V cũng đã được Tòa án triệu tập lên lấy lời khai nhưng không chịu lên và từ chối không khai. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, cháu Vy có đơn trình bày bảo vệ quyền lợi cho bà H do bà H cung cấp. Tại phiên tòa hôm nay, ông Đ và bà H thống nhất thỏa thuận giao con Đoàn Thị Khánh L cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Giao con Đoàn Thị Khánh V cho bà H trực tiếp nuôi

dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận về người nuôi dưỡng con của ông Đ và bà H nên công nhận sự thỏa thuận của hai bên đương sự là phù hợp.

[3]. Về tài sản chung: Ông Đ xác định không có tài sản chung. Bà H yêu cầu chia tài sản chung. Mặc dù đã được Tòa án hướng dẫn, yêu cầu song bà H không nêu rõ được tài sản nào để chia, ước tính giá trị tài sản đó để Tòa án có cơ sở tính tạm ứng án phí thụ lý đối với yêu cầu chia tài sản chung nên không xem xét. Sau này có tranh chấp giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4]. Về nợ chung: Ông Đ xác định không có. Còn bà H khai nại có nợ bà D 10 triệu đồng; bà H 7 triệu đồng; ông L 10 triệu đồng; bà L 5 triệu đồng. Tổng cộng 32 triệu đồng. Ly hôn bà yêu cầu ông Đ có trách nhiệm liên đới cùng bà trả cho họ. Song tại phiên tòa hôm nay, bà H xác định vợ chồng không có nợ chung nên HĐXX không đề cập đến. Tuy nhiên, ông Đ tự nguyện hỗ trợ cho bà H số tiền 20.000.000 đồng để giải quyết khó khăn nên công nhận sự tự nguyện của ông Đ đối với bà H số tiền hỗ trợ 20.000.000 đồng. Thời gian hỗ trợ hạn cuối đến hết ngày 10/6/2018 là xong dứt điểm.

[5]. Về nợ riêng: Hiện nay các khoản nợ của bà D, bà H, ông L chưa xác định được địa chỉ những người này nên sau này nếu có tranh chấp, bà H nhận trách nhiệm trả và bà H cũng nhận trách nhiệm trả cho ông L 5.000.000 đồng, không yêu cầu ông Đ có trách nhiệm liên đới cùng bà trả.

[6]. Án phí HNGĐ sơ thẩm: Ông Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Kiến xin ly hôn, con chung*" của ông Đoàn Ngọc Đ đối với bà Trần Thị H.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Ngọc Đ được ly hôn bà Trần Thị H. (*Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đoàn Ngọc Đ đối với bà Trần Thị H nên giấy chứng nhận kết hôn số 256 ngày 31/12/2003; trích lục số 1024/TLKH-BS ngày 15/11/2017 do UBND phường T cấp cho ông Đoàn Ngọc Đ đối với bà Trần Thị H không còn giá trị pháp lý*).

2. Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận của ông Đ và bà H như sau: Giao con Đoàn Thị Khánh V, sinh ngày 01/11/2002 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Giao con Đoàn Thị Khánh L, sinh ngày 23/8/2009 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì trên cơ sở lợi ích của con, quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không đề cập đến. Sau này có tranh chấp giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về nợ chung: Ông Đ và bà H xác định vợ chồng không có nợ chung nên HĐXX không đề cập đến.

Công nhận sự tự nguyện hỗ trợ của ông Đ đối với bà H số tiền 20.000.000 đồng để bà H giải quyết khó khăn. Thời gian hỗ trợ hạn cuối đến hết ngày 10/6/2018 là xong dứt điểm.

5. Về nợ riêng: Đối với các khoản nợ của bà D, bà H, ông L chưa xác định được địa chỉ những người này nên sau này nếu có tranh chấp, bà H nhận trách nhiệm trả và bà H cũng nhận trách nhiệm trả cho bà L 5.000.000 đồng, không yêu cầu ông Đ có trách nhiệm liên đới cùng bà trả.

6. Án phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Đ phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 008326 ngày 22/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận S, thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bên đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 10/5/2018. Riêng những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS Quận Sơn Trà;
- UBND phường T, Quận S;
- Lưu hồ sơ,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

TRẦN THỊ BÉ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Quận S;
- Chi cục THADS Quận S;
- UBND phường T, Quận S;
- Lưu hồ sơ,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

TRẦN THỊ BÉ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Quận S;
- Chi cục THADS Quận S;
- UBND phường Bình Hiên, Quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

TRẦN THỊ BÉ

